

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI “TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN TỔNG
QUAN ĐỊNH KỲ VỀ TÌNH HÌNH HỢP TÁC, GIAO THƯƠNG CỦA VIỆT
NAM VỚI THỊ TRƯỜNG LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC
AILEN TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025”**

THUỘC NHIỆM VỤ
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định UKVFTA năm 2025”**

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG ANH TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	5
1. Đánh giá chung	5
2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Anh trong 5 tháng năm 2025	5
3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Anh trong 5 tháng năm 2025	10
4. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường Anh ...	12
II. ĐÁNH GIÁ VỀ SỨC CẠNH TRANH CỦA HÀNG VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG ANH	14
1. Tổng thể xu hướng và tình cạnh tranh giữa các nguồn cung ứng hàng hóa nhập khẩu hàng hóa vào thị trường Anh:.....	14
2. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam ở một số nhóm hàng tiêu biểu tại thị trường Anh:	16
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG.....	22
1. Đối với hoạt động xuất khẩu	22
2. Đối với hoạt động nhập khẩu:	23

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường Anh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025	8
Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường Anh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025	11
Bảng 3: Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được cấp phép từ 01/01 - 31/5/2025...	13
Bảng 4: Một số thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất vào thị trường Anh và tỷ trọng trong 3 tháng đầu năm 2025	14
Bảng 5: Một số mặt hàng được thị trường Anh nhập khẩu nhiều nhất trong 03 tháng đầu năm 2025 và tỷ trọng của Việt Nam	17
Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh trong giai đoạn 2019-2025.....	6
Biểu đồ 2: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Anh trong giai đoạn 2019-2025	10

TÓM TẮT

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Anh trong 5 tháng qua đạt 3,62 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1% trong quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong đó, riêng trong tháng 5/2025, kim ngạch thương mại song phương đạt 781,3 triệu USD, tăng 13% so với tháng trước.

Đối với hoạt động xuất khẩu, trong tháng 5/2025, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh đạt gần 686 triệu USD, tăng 12,1% so với tháng trước và tăng mạnh 32,5% so với tháng 5/2024. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh đạt 3,23 tỷ USD, tăng 8,04% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 1,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Mức tăng trưởng này thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng 15,3% của tổng kim ngạch xuất khẩu chung của Việt Nam ra thế giới. Trong đó, điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục là mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Anh, với 542,9 triệu USD, chiếm 16,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Anh. Đáng chú ý, xuất khẩu thủy sản và nhóm hàng nông sản như cà phê, hạt điều, hạt tiêu, rau quả... sang thị trường Anh tăng rõ rệt. Trong đó, cà phê là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh nhất trong danh sách 15 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Anh.

Đối với hoạt động nhập khẩu, trong tháng 5/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Anh lấy lại đà tăng trưởng với 95,3 triệu USD, tăng 17,6% so với tháng 4/2025, và tăng tới 50,3% so với tháng 5/2024. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Anh đạt 391,4 triệu USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng trưởng này cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu chung (tăng 18,9%).

Với kết quả này, trong tháng 5/2025 Việt Nam xuất siêu 590,7 triệu USD với thị trường Anh, nâng tổng mức xuất siêu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm lên tới 2,83 tỷ USD, tăng khá so với mức thặng dư 2,68 tỷ USD cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), hiện Việt Nam là nguồn cung hàng hóa lớn thứ 21 của thị trường Anh trên thế giới và là thị trường lớn thứ 5 châu Á, lớn thứ nhì Đông Nam Á (chỉ sau Singapore). Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào Anh trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 2,86 tỷ USD, tăng 16,72% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, đến nay quy mô hàng Việt Nam tại thị trường Anh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và còn nhiều dư địa để tiếp tục khai thác, mở rộng thị phần.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG ANH TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Đánh giá chung

Mặc dù có nhiều khó khăn chung trong bối cảnh kinh tế, thương mại toàn cầu nhiều biến động nhưng hợp tác kinh tế và thương mại tiếp tục là điểm sáng trong quan hệ song phương giữa Việt Nam và Anh. Kể từ năm 2021 (năm UKVFTA có hiệu lực) đến nay, kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng đều đặn qua từng năm. Năm 2024, tổng kim ngạch thương mại hai chiều lần đầu tiên vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 8,4 tỷ USD - tăng trưởng đáng kể 18% so với năm 2023. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Anh lần đầu tiên vượt mốc 7 tỷ USD, đạt 7,5 tỷ USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều tăng trưởng mạnh, bao gồm máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, rau quả, hạt tiêu, cà phê, sản phẩm cao su, bánh kẹo và các sản phẩm ngũ cốc, máy móc, thiết bị, thép, sản phẩm giấy, sản phẩm gỗ và hàng dệt may.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh tiếp tục tăng trưởng khả quan. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Anh trong 5 tháng qua đạt 3,62 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1% trong quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong đó, riêng trong tháng 5/2025, kim ngạch song phương đạt 781,3 triệu USD, tăng 13% so với tháng trước.

Việt Nam tiếp tục xuất siêu sang Anh, nhưng thị phần của hàng hóa Việt Nam tại thị trường này vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và còn nhiều dư địa để tiếp tục khai thác, mở rộng.

2. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Anh trong 5 tháng năm 2025

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 5/2025, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh đạt gần 686 triệu USD, tăng 12,1% so với tháng trước và tăng mạnh 32,5% so với tháng 5/2024. Nguyên nhân chính khiến

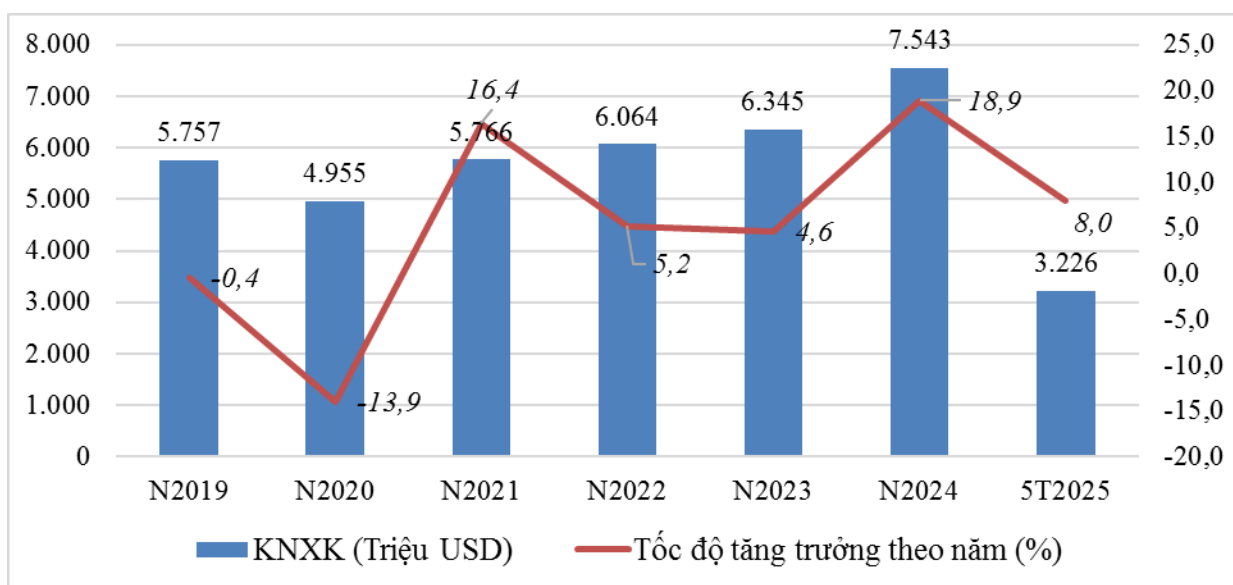
xuất khẩu sang Anh tăng trưởng mạnh trong tháng 5/2025 bên cạnh sự hỗ trợ của UKVFTA là do đây là thời điểm các doanh nghiệp Anh đẩy mạnh nhập khẩu hàng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong những dịp lễ sắp tới.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh đạt 3,23 tỷ USD, tăng 8,04% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 1,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Mức tăng trưởng này thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng 15,3% của tổng kim ngạch xuất khẩu chung của Việt Nam ra thế giới trong bối cảnh kim ngạch xuất khẩu sang hàng loạt thị trường hàng đầu và có quy mô lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản hay Hàn Quốc đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao trên 10%.

ất khẩu của Việt Nam. Mức tăng trưởng này thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng 15,3% của tổng kim ngạch xuất khẩu chung của Việt Nam ra thế giới trong bối cảnh kim ngạch xuất khẩu sang hàng loạt thị trường hàng đầu và có quy mô lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản hay Hàn Quốc đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao trên 10%.

Như vậy, hoạt động xuất khẩu sang Anh thời gian qua mặc dù vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá nhưng do quy mô còn thấp và mức tăng trưởng vẫn thấp hơn đáng kể so với các thị trường lớn nên nhìn chung chưa tác động lớn đến tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng này cũng cho thấy tín hiệu khá bền vững trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam với thị trường Anh, đặc biệt sau giai đoạn nhu cầu tiêu dùng Anh chịu sự tác động tiêu cực do ảnh hưởng bởi lạm phát và suy giảm kinh tế toàn cầu.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh trong giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Anh

Trong tháng 5/2025, với mức tăng lên tới 181,7% so với tháng trước và 173% so với tháng 5/2024, điện thoại các loại và linh kiện đã vượt lên trở thành mặt hàng được xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Anh, đạt kim ngạch 131 triệu USD.

Bên cạnh điện thoại, nhiều mặt hàng chủ lực khác cũng ghi nhận đà tăng trưởng so với tháng trước như hàng dệt may, máy móc phụ tùng, máy vi tính và sản phẩm điện tử ... Đáng chú ý, xuất khẩu nhóm nông thủy sản trong tháng 5/2025 cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng cà phê đạt mức tăng tới 42,6% so với tháng trước và 154% so với tháng 5/2024, đạt 20,1 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực sang thị trường Anh cũng ghi nhận đà sụt giảm so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại giảm 9,7%; xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm 12%; xuất khẩu đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận giảm 9,7%...

Trong 5 tháng đầu năm 2025, điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục là mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Anh, với 542,9 triệu USD, chiếm 16,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Anh. Mặc dù xuất khẩu điện thoại và linh kiện tăng đột biến trong tháng 5/2025 nhưng tính chung trong 5 tháng, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vẫn giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước trong bối cảnh Anh nâng cao tiêu chuẩn đối

với các sản phẩm điện thoại và hàng Việt Nam chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ Trung Quốc và Ấn Độ.

Trong khi đó, các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam và chiếm thị phần ổn định tại thị trường Anh như dệt may và giày dép tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng khá trên 10% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu 2 nhóm hàng này chiếm lần lượt 10,8% và 13,7% tỷ trọng trên tổng kim ngạch.

Đáng chú ý, xuất khẩu thủy sản và nhóm hàng nông sản như cà phê, hạt điều, hạt tiêu, rau quả... sang thị trường Anh tăng rõ rệt. Trong đó, cà phê là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh nhất trong danh sách 15 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Anh. Trong 5 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt 109,9 triệu USD, tăng 96% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 3,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu sang Anh, cải thiện rõ rệt so với mức tỷ trọng chiếm 1,9% cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu mặt hàng này tăng mạnh là do giá cà phê thế giới trong thời gian qua liên tục tăng cao và Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu cà phê chế biến – nhóm hàng có đơn giá cao sang thị trường này.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường Anh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	Tháng 5/2025			5 tháng/2025		Tỷ trọng (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T4/2025 (%)	So với T5/2024 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 5T/2024 (%)	5T/2025	5T/2024
Tổng KNXK	685.968	12,11	32,54	3.226.073	8,04	100	100
Điện thoại các loại và linh kiện	131.030	181,71	172,97	542.886	-3,32	16,83	18,81
Giày dép các loại	95.261	-9,71	15,12	442.367	11,65	13,71	13,27
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	83.605	0,92	8,75	435.956	-19,21	13,51	18,07
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	72.576	5,07	25,95	385.788	47,14	11,96	8,78
Hàng dệt, may	79.419	8,24	37,5	347.663	26,91	10,78	9,17
Hàng hóa khác	35.003	-1,16	32,75	175.574	21,92	5,44	4,82
Hàng thủy sản	28.456	4,31	13,16	120.008	4,32	3,72	3,85
Cà phê	20.095	42,63	153,99	109.914	95,97	3,41	1,88
Gỗ và sản phẩm gỗ	19.202	-12,03	16,54	100.693	12,29	3,12	3,00
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ	19.155	-9,73	52,82	86.770	33,46	2,69	2,18

Mặt hàng	Tháng 5/2025			5 tháng/2025		Tỷ trọng (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T4/2025 (%)	So với T5/2024 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 5T/2024 (%)	5T/2025	5T/2024
phận							
Sắt thép các loại	14.752	-40,13	-17,09	77.438	-27,39	2,40	3,57
Phương tiện vận tải và phụ tùng	11.606	-16,06	-62,22	61.487	-14,97	1,91	2,42
Sản phẩm từ chất dẻo	10.864	-12,64	1	55.823	-2,95	1,73	1,93
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	12.128	2,66	27,76	49.389	9,24	1,53	1,51
Hạt điều	12.654	6,2	75,21	49.014	22,09	1,52	1,34
Kim loại thường khác và sản phẩm	8.182	25,63	12,47	33.337	10,62	1,03	1,01
Hạt tiêu	6.189	20,71	186,9	23.246	115,68	0,72	0,36
Hàng rau quả	4.261	-13,39	52,35	21.903	63,68	0,68	0,45
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	3.739	-18,72	56,3	21.638	5,28	0,67	0,69
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.503	2,36	-4,06	15.713	-12,45	0,49	0,60
Sản phẩm gốm, sứ	3.451	18,41	70,5	15.539	10,37	0,48	0,47
Sản phẩm từ sắt thép	3.022	-15,41	44,04	12.560	22,5	0,39	0,34
Dây điện và dây cáp điện	2.451	40,09	47,52	9.857	26,81	0,31	0,26
Xơ, sợi dệt các loại	1.604	-30,09	-16,02	9.369	-3,85	0,29	0,33
Sản phẩm từ cao su	1.459	-34,63	-5,09	8.747	-27,02	0,27	0,40
Giấy và các sản phẩm từ giấy	802	-34,57	-46,86	5.719	-17,99	0,18	0,23
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	854	6,46	47,4	4.614	13,07	0,14	0,14
Cao su	374	18,61	-12,99	1.661	-20,27	0,05	0,07
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	270	-31,93	207	1.400	35,88	0,04	0,03

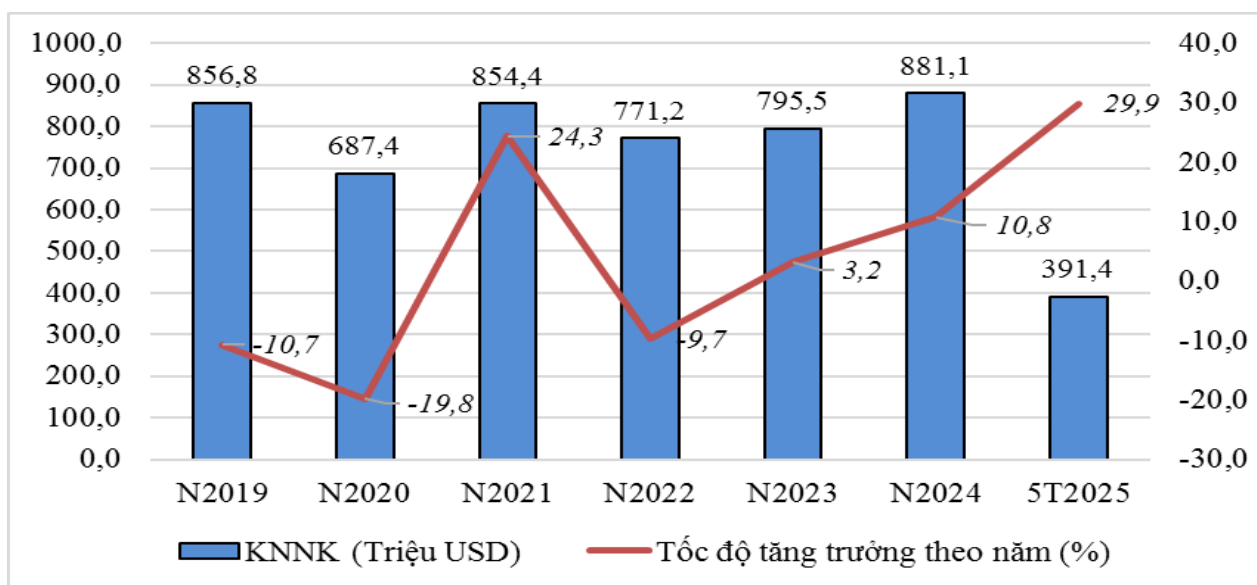
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

3. Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Anh trong 5 tháng năm 2025

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 5/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Anh lấy lại đà tăng trưởng với 95,3 triệu USD, tăng 17,6% so với tháng 4/2025, và tăng tới 50,3% so với tháng 5/2024. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Anh đạt 391,4 triệu USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng trưởng này cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu chung (tăng 18,9%), tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu từ Anh mới chỉ chiếm 0,2% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Với kết quả này, trong tháng 5/2025 Việt Nam xuất siêu 590,7 triệu USD với thị trường Anh, nâng tổng mức xuất siêu trong 5 tháng đầu năm lên tới 2,83 tỷ USD, tăng khá so với mức thặng dư 2,68 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Như vậy, Anh hiện là một trong những thị trường đối tác mà Việt Nam xuất siêu nhiều nhất.

Biểu đồ 2: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Anh trong giai đoạn 2019-2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

- Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu

Trong tháng 5/2025, kim ngạch nhập khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực từ thị trường Anh đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan. Trong đó, phương tiện vận tải phụ tùng đạt mức tăng trưởng cao đột biến với 19,1 triệu USD, tăng tới 894,6%

so với tháng trước và tăng 215,4% so với tháng 5/2024. Tuy nhiên, nhập khẩu mặt hàng quen thuộc từ Anh là máy móc phụ tùng lại giảm đáng kể trong tháng này, chỉ đạt 18,3 triệu USD, giảm 27,4% so với tháng trước.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, máy móc thiết bị phụ tùng là mặt hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Anh với 26,6%, đạt 103,9 triệu USD, vẫn tăng mạnh 48,8% so với cùng kỳ năm trước cho dù sụt giảm trong tháng 5/2025. Trong khi đó, tăng mạnh nhất là mặt hàng sản phẩm từ chất dẻo với mức tăng tới 177,2% so với cùng kỳ năm trước lên 25,53 triệu USD trong bối cảnh nhu cầu sản xuất nhựa, bao bì, hoặc sản phẩm phụ trợ tăng mạnh.

Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường Anh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Mặt hàng	Tháng 5/2025			5 tháng/2025		Tỷ trọng (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T4/2025 (%)	So với T5/2024 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 5T/2024 (%)	5T/2025	5T/2024
KNNK	95.316	17,62	50,52	391.357	29,9	100,00	100,00
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	18.305	-27,43	41,87	103.923	48,8	26,55	23,18
Dược phẩm	8.066	54,56	35,28	35.363	27,8	9,04	9,18
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	19.095	894,62	215,4	30.242	45,52	7,73	6,90
Sản phẩm từ chất dẻo	6.733	21,08	178,23	25.530	177,24	6,52	3,06
Hàng thủy sản	6.091	38	164,66	22.034	53,64	5,63	4,76
Sản phẩm hóa chất	4.879	33,25	21,62	19.052	1,33	4,87	6,24
Ô tô nguyên chiếc các loại	1.954	-40,83	48	12.091	12,69	3,09	3,56
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.087	60,09	117,26	7.289	5,65	1,86	2,29
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.269	-25,05	-61,64	6.306	-64,17	1,61	5,84
Sản phẩm từ sắt thép	1.470	-21,61	30,99	6.303	17,98	1,61	1,77

Mặt hàng	Tháng 5/2025			5 tháng/2025		Tỷ trọng (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T4/2025 (%)	So với T5/2024 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 5T/2024 (%)	5T/2025	5T/2024
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	1.550	-43,26	23,94	6.266	23,8	1,60	1,68
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	637	773,16	579,8	4.654	771,06	1,19	0,18
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	503	-31,29	-83,48	4.356	-52,06	1,11	3,02
Vải các loại	1.103	180,6	-12,85	3.967	6,86	1,01	1,23
Chất dẻo nguyên liệu	490	-10,13	-19,57	2.694	-18,69	0,69	1,10
Hóa chất	1.152	133,98	106,69	2.270	-1,74	0,58	0,77
Sản phẩm từ cao su	554	84,64	116,82	1.553	31,7	0,40	0,39
Kim loại thường khác	303	69,48	53,86	1.071	15,02	0,27	0,31
Sắt thép các loại	0	-100		827	64,29	0,21	0,17
Điện thoại các loại và linh kiện	21	-17,41	-21,74	740	-8,84	0,19	0,27
Nguyên phụ liệu dược phẩm	108	94,06	-48,8	527	-30,6	0,13	0,25
Cao su	77	-12,85	39,81	197	-40,71	0,05	0,11
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	24			188	-56,63	0,05	0,14

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

4. Thông tin về tình hình hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và thị trường Anh

Theo báo cáo từ Cục Thống kê (Bộ Tài chính), thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2025 ghi nhận những tín hiệu tích cực. Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 18,39 tỷ USD, tăng mạnh 51,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, điểm sáng nổi bật nhất trong cơ cấu vốn FDI là dòng vốn đăng ký điều chỉnh. Cụ thể, có 674 lượt dự án hiện hữu đã đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, với tổng số vốn tăng thêm lên tới 8,52 tỷ USD, cao gấp 3,4 lần so với cùng kỳ năm 2024. Sự tăng trưởng này cho thấy các nhà đầu tư

đang hoạt động tại Việt Nam tiếp tục đặt niềm tin vững chắc vào tiềm năng tăng trưởng tại Việt Nam và quyết định mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, Anh là nhà đầu tư lớn thứ 17 của Việt Nam với 19 dự án được cấp mới, tổng số vốn đầu tư cấp mới đạt 32,94 triệu USD. Với việc Hiệp định UKVFTA có hiệu lực cộng với Anh tham gia CPTPP đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác, đầu tư giữa hai quốc gia.

Bảng 3: Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được cấp phép từ 01/01 - 31/5/2025

STT	Thị trường	Số dự án	Vốn đăng ký cấp mới	Vốn đăng ký điều chỉnh
		(Dự án)		
	Tổng	1549	7.015,07	8.519,25
1	Singapore	219	2.116,14	1.121,75
2	Trung Quốc	453	1.812,75	287,66
3	Nhật Bản	117	753,39	999,80
4	Đặc khu hành chính Hồng Kông (TQ)	196	607,65	400,04
5	Đài Loan	81	412,44	334,81
6	Quần đảo Virgin thuộc Anh	13	260,84	219,32
7	Hàn Quốc	151	196,44	2.458,81
8	Hoa Kỳ	48	169,68	-93,83
9	Xa-moa	20	100,15	40,61
10	Đan Mạch	4	71,10	
11	Lúc-xăm-bua	1	70,92	
12	Quần đảo Cay-men	4	70,40	322,71
13	Hà Lan	10	55,67	20,39
14	Thái Lan	14	46,36	468,43
15	Xây-xen	10	37,98	23,55
16	Đức	14	37,63	7,10
17	Vương quốc Anh	19	32,94	129,29
18	Pháp	16	31,28	9,71
19	Lào	1	30,30	
20	Canada	16	30,27	0,48

Nguồn: Cục Thống kê

Một số thông tin khác về tình hình hợp tác, đầu tư của Việt Nam và Anh trong tháng 5/2025:

- Hội thảo “Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản” tại London diễn ra vào ngày 13/5/2025: Khoảng 40 doanh nghiệp Việt Nam và Anh đã tham gia để tìm hiểu

hợp tác trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm nông – lâm – thủy sản. Các bên bàn về tiêu chuẩn nhập khẩu, nhu cầu thị trường Anh, cách thức phân phối vào hệ thống siêu thị UK, tiếp cận người tiêu dùng Anh.

- Cam kết của Anh tài trợ chương trình “Climate Finance Accelerator” (CFA) mở rộng tại Việt Nam: Ngày 22/5/2025, Tổng lãnh sự Anh tại TP. HCM thông báo Anh sẽ cung cấp khoảng 40 triệu bảng Anh (tương đương 54 triệu USD) để mở rộng chương trình tài chính khí hậu – hỗ trợ các dự án giảm phát thải, năng lượng sạch, bền vững tới năm 2029. Chương trình này giúp thu hút vốn nước ngoài vào các dự án xanh – đây là một dạng đầu tư gián tiếp/hỗ trợ phát triển mà có tác động thực tế trong thời gian tới.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ SỨC CẠNH TRANH CỦA HÀNG VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG ANH

1. Tổng thể xu hướng và tình cạnh tranh giữa các nguồn cung ứng hàng hóa nhập khẩu hàng hóa vào thị trường Anh:

Theo số liệu của trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong 3 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của thị trường Anh đạt 213,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Thụy Sĩ là các nguồn cung hàng hóa lớn nhất của Anh. Tính riêng nhóm thị trường này đã chiếm 27,5% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu hàng hóa của Anh, tăng so với mức tỷ trọng chiếm 25,7% cùng kỳ năm trước.

Kinh tế Anh có những tiến triển nhất định trong 5 tháng đầu năm 2025 mặc dù tốc độ hồi phục chưa bằng nhiều nền kinh tế phát triển khác. Trong đó, việc kiểm soát lạm phát đã có tín hiệu tích cực trong khi chính sách tiền tệ được giữ ở mức ổn định. Theo số liệu của Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh (ONS), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2025 tại Anh tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lạm phát dịch vụ đã hạ nhiệt từ 5,4% trong tháng 4 xuống còn 4,7% trong tháng 5/2025. Do đó, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã giảm lãi suất lần đầu tiên trong chu kỳ mới vào ngày 8/5, hạ 0,25 điểm phần trăm xuống 4,25%. Nhờ vậy, nhu cầu tiêu dùng nội địa của Anh nhìn chung khả quan hơn, kéo theo hoạt động nhập khẩu hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước gia tăng.

Bảng 4: Một số thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất vào thị trường Anh và tỷ trọng trong 3 tháng đầu năm 2025

STT	Thị trường	3 tháng/2025	3 tháng/2024	So sánh
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
	Thế giới	213.174.822	187.969.762	13,41
1	Hoa Kỳ	27.831.998	23.229.885	19,81
2	Trung Quốc	24.791.415	21.811.634	13,66
3	Thụy Sĩ	6.049.587	3.340.747	81,08
4	Đức	18.094.386	18.343.142	-1,36
5	Pháp	10.415.154	9.545.680	9,11
6	Ý	7.742.390	7.432.236	4,17
7	Canada	6.076.995	5.541.171	9,67
8	Tây Ban Nha	6.635.412	6.801.234	-2,44
9	Hà Lan	6.467.175	6.574.991	-1,64
10	Úc	1.117.573	841.928	32,74
11	Nam Phi	4.000.671	2.381.339	68,00
12	Na Uy	8.993.661	6.800.086	32,26
13	Ireland	4.926.969	5.144.747	-4,23
14	Ba Lan	4.862.926	4.781.426	1,70
15	Thổ Nhĩ Kỳ	4.488.390	4.105.165	9,34
16	Vương quốc Anh	5.132.949	2.885.552	77,88
17	Bỉ	4.065.979	4.210.874	-3,44
18	Nhật Bản	3.657.842	3.592.557	1,82
19	Singapore	665.782	1.038.864	-35,91
20	Ấn Độ	3.787.285	3.174.956	19,29
21	Việt Nam	2.861.791	2.451.766	16,72
22	Cộng hòa Séc	2.605.868	2.777.441	-6,18
23	Thụy Điển	2.540.697	2.432.252	4,46

STT	Thị trường	3 tháng/2025	3 tháng/2024	So sánh
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
24	Hàn Quốc	1.682.767	1.777.593	-5,33
25	Slovakia	1.577.949	1.400.603	12,66
26	Hungary	1.647.442	1.565.269	5,25
27	Mexico	1.717.061	1.442.810	19,01
28	Thái Lan	1.433.827	1.143.052	25,44

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Hiện Việt Nam là nguồn cung hàng hóa lớn thứ 21 của thị trường Anh trên thế giới và là thị trường lớn thứ 5 châu Á, lớn thứ nhì Đông Nam Á (chỉ sau Singapore). Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào Anh trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 2,86 tỷ USD, tăng 16,72% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù có sự hỗ trợ đáng kể từ UKVFTA và mới nhất là CPTPP, nhưng quy mô hàng Việt Nam tại thị trường Anh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và có nhiều cơ hội để khai thác, mở rộng thị phần. Trong 3 tháng đầu năm 2025, thị phần hàng Việt Nam tại thị trường Anh mới chỉ chiếm 1,34%, gần tương tự mức tỷ trọng 1,3% của cùng kỳ năm trước.

2. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam ở một số nhóm hàng tiêu biểu tại thị trường Anh:

Trong 3 tháng đầu năm 2025, Anh nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam các mặt hàng có mã HS 85 (Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy tái tạo âm thanh, tivi...) với kim ngạch đạt 1,14 tỷ USD; mã HS 84 (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng) với 372,3 triệu USD; HS 64 (Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của các mặt hàng đó) với 360,6 triệu USD. Tính riêng nhóm sản phẩm này chiếm 65,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Anh từ Việt Nam.

Đáng chú ý, một số mặt hàng của Việt Nam chiếm thị phần khá cao tại thị trường Anh. Tiêu biểu như kim ngạch nhập khẩu nhóm mặt hàng mã HS 64 (Giày dép) chiếm tới 27,8% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu mặt hàng này của Anh từ các thị trường thế giới; mã HS 46 (Sản phẩm từ rơm, từ esparto hoặc từ các vật liệu tết bện khác; đồ đan lát và mây tre đan) chiếm tỷ trọng 11,2%; mã HS 09 (Cà phê, trà,

chè maté và gia vị) chiếm tỷ trọng 9,62%; mã HS 85 (Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy tái tạo âm thanh, tivi...) chiếm tỷ trọng 6,5%...

i tạo âm thanh, tivi...) chiếm tỷ trọng 6,5%...

Mặc dù vậy, một một số mặt hàng nông sản của Việt Nam như cao su, rau quả, thủy sản... nhìn chung vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nhập khẩu các mặt hàng này từ các nguồn cung ứng trên thế giới vào Anh.

Hiện Anh đang có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng, điện tử, dược phẩm và thực phẩm chế biến. Đây cũng đều là những nhóm hàng thế mạnh của Việt Nam, tuy nhiên những mặt hàng này hiện còn chiếm thị phần khá hạn chế tại thị trường Anh. Do đó, các doanh nghiệp cần nỗ lực hơn trong việc đẩy mạnh chất lượng, thương hiệu và kiểm soát chi phí logistics để gia tăng thị phần tại thị trường này.

Bảng 5: Một số mặt hàng được thị trường Anh nhập khẩu nhiều nhất trong 03 tháng đầu năm 2025 và tỷ trọng của Việt Nam

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
Tổng KNNK	Tất cả sản phẩm	2.861.791	213.174.822	1,34
'85	Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy tái tạo âm thanh, tivi...	1.137.363	17.596.709	6,46
'64	Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của các mặt hàng đó	360.617	1.295.789	27,83
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	372.341	27.741.984	1,34
'61	Hàng may mặc và phụ kiện	121.295	2.534.735	4,79

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
	quần áo, đan hoặc móc			
'94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, nệm, khung nệm, đệm và các đồ nội thất nhồi bông tương tự; ...	99.518	3.399.801	2,93
'62	Hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không đan hoặc móc	124.763	2.174.261	5,74
'09	Cà phê, trà, chè maté và gia vị	59.714	620.457	9,62
'95	Đồ chơi, dụng cụ trò chơi và thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	63.449	1.458.462	4,35
'39	Nhựa và các sản phẩm của chúng	47.802	4.860.324	0,98
'42	Các sản phẩm bằng da; yên cương và dây cương; đồ du lịch, túi xách và các loại hộp đựng tương tự; các mặt hàng ...	40.992	764.203	5,36
'90	Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật ...	47.818	6.095.544	0,78
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống sống dưới nước khác	41.651	777.853	5,35
'08	Quả và hạt ăn được; Vỏ quả họ cam quýt hoặc dưa	36.030	1.971.810	1,83

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
'16	Các chế phẩm từ thịt, cá, giáp xác, động vật thân mềm hoặc các động vật không xương sống dưới nước khác, hoặc ...	29.852	1.357.931	2,20
'40	Cao su và các sản phẩm từ cao su	24.536	1.436.241	1,71
'63	Các mặt hàng dệt may khác; bộ quần áo; quần áo cũ và các sản phẩm dệt may cũ; giẻ rách	18.274	631.104	2,90
'74	Đồng và các sản phẩm từ đồng	18.066	507.058	3,56
'73	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	8.571	2.756.973	0,31
'72	Sắt và thép	39.324	1.824.613	2,16
'21	Các chế phẩm ăn được khác	15.896	1.266.910	1,25
'87	Phương tiện giao thông khác trừ toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	11.209	21.372.041	0,05
'19	Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột mì, tinh bột hoặc sữa; các sản phẩm làm bánh ngọt	11.498	1.746.610	0,66
'20	Các chế phẩm từ rau, quả, hạt hoặc các bộ phận khác của cây	8.477	1.325.044	0,64
'38	Các sản phẩm hóa chất	1.273	1.656.943	0,08

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
	khác			
'69	Sản phẩm gốm sứ	13.152	497.216	2,65
'57	Thảm và các loại vải trải sàn khác	8.226	263.126	3,13
'65	Mũ đội đầu và các bộ phận của mũ	4.759	110.603	4,30
'71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc bán quý, kim loại quý, kim loại phủ ...	8.058	29.690.210	0,03
'34	Xà phòng, chất hoạt động bề mặt hữu cơ, chế phẩm giặt, chế phẩm bôi trơn, nhân tạo ...	11.369	787.916	1,44
'44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	6.256	2.209.444	0,28
'83	Các mặt hàng kim loại thường khác	5.053	820.203	0,62
'82	Dụng cụ, đồ dùng, dao kéo, thìa và nĩa, bằng kim loại thường; các bộ phận của chúng bằng kim loại thường	5.383	514.676	1,05
'55	Sợi staple nhân tạo	6.025	106.555	5,65
'48	Giấy và bìa; các mặt hàng từ bột giấy, từ giấy hoặc bìa	7.938	1.881.469	0,42
'46	Sản phẩm từ rơm, từ esparto hoặc từ các vật liệu tết bện khác; đồ đan lát và	3.534	31.495	11,22

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
	mây tre đan			
'10	Ngũ cốc	3.160	673.021	0,47
'60	Vải đan hoặc móc	877	42.141	2,08
'68	Các mặt hàng từ đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	3.062	602.512	0,51
'76	Nhôm và các mặt hàng từ nhôm	2.483	1.613.315	0,15
'96	Các mặt hàng sản xuất khác	2.691	567.335	0,47
'88	Máy bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng	724	3.434.990	0,02
'54	Sợi nhân tạo; dải và các sản phẩm tương tự từ vật liệu dệt may nhân tạo	1.457	153.947	0,95
'22	Đồ uống, rượu mạnh và giấm	1.291	2.218.256	0,06
'15	Mỡ và dầu động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và các sản phẩm phân tách của chúng; mỡ ăn được đã chế biến; ...	1.511	698.454	0,22
'33	Tinh dầu và chất tương tự nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc chế phẩm vệ sinh	3.794	1.849.252	0,21
'89	Tàu thuyền và các công trình nổi	297	128.365	0,23
'23	Cặn bã và chất thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn chăn nuôi đã	33	994.214	0,00

Mã HS	Nhãn sản phẩm	Anh nhập khẩu từ Việt Nam	Anh nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng của hàng NK từ Việt Nam
		(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	(%)
	chế biến			
'70	Thủy tinh và đồ thủy tinh	1.014	645.351	0,16

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG

1. Đối với hoạt động xuất khẩu

Trong 5 tháng đầu năm 2025, các mặt hàng giá trị cao và có thị trường ổn định như điện thoại, giày dép, dệt may vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Anh. Ngoài ra, thủy sản và các mặt hàng nông sản như cà phê, rau quả, hạt tiêu ... là những mặt hàng có nhiều tiềm năng đẩy mạnh tăng trưởng sang thị trường này trong thời gian tới. Trong khi đó, xuất khẩu một số ngành hàng chủ lực như điện loại hay máy móc phụ tùng đang có xu hướng giảm và gặp nhiều khó khăn, để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này các doanh nghiệp cần nâng cấp công nghệ và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Anh.

Trong ngắn hạn, xuất khẩu sang thị trường Anh dự kiến tiếp tục tăng, đặc biệt tăng khá ở nhóm nông thủy sản. Việt Nam đã và đang thực thi các quy định, chứng nhận, ưu đãi thuế từ UKVFTA; có hướng dẫn về xuất xứ, thuế quan; doanh nghiệp đang dần quen hơn với các yêu cầu này. Đây là lợi thế lớn nếu doanh nghiệp tận dụng tốt, giúp xuất khẩu sang Anh tiếp tục được ưu đãi thuế và cạnh tranh hơn. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng khó có thể tăng mạnh như trong tháng 5/2025 trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng tại Anh vẫn chưa thực sự bền vững, kinh tế Anh tăng trưởng chậm hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển khác như Mỹ hay EU.

Trong trung và dài hạn, kim ngạch xuất khẩu sang Anh có thể tiếp tục tăng trưởng tích cực hơn nếu các doanh nghiệp trong nước khai thác tốt các ưu đãi thuế từ UKVFTA, cải thiện chất lượng, đáp ứng chuẩn xanh hóa và ổn định đơn hàng.

Nếu duy trì tốc độ tăng trưởng như hiện tại, kim ngạch xuất khẩu sang Anh dự kiến sẽ đạt khoảng 10-11 tỷ USD trong năm 2026.

2. Đối với hoạt động nhập khẩu:

Trong 5 tháng qua, tổng kim ngạch nhập khẩu từ Anh tăng gần 30% cho thấy sự mở rộng trong nhập khẩu từ Anh, đặc biệt ở nhóm công nghệ, thiết bị và dược phẩm. Trong khi đó, mặt hàng như thiết bị, phương tiện vận tải và sản phẩm nhựa đang có dấu hiệu hồi phục mạnh, phản ánh nhu cầu đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất tại Việt Nam.

Trong ngắn hạn, dự báo kim ngạch nhập khẩu từ Anh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước. Các nhóm hàng đã tăng mạnh trước đó (máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dược phẩm, sản phẩm nhựa, nguyên liệu sản xuất) nhiều khả năng vẫn là các mặt hàng nhập khẩu chủ đạo.

Trong trung và dài hạn, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bên cạnh mức độ tận dụng UKVFTA của các doanh nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào xu hướng hoạt động sản xuất trong nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh doanh nghiệp trong nước đang có xu hướng mở rộng thị trường nhập khẩu, đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, Anh có thể là một trong các nguồn cung được ưu tiên bởi chất lượng cao, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn tốt, mặc dù có cả rủi ro chi phí cao hơn so với các thị trường có vị trí địa lý gần.